

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 665/2025/HS-PT
Ngày 24/12/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/12/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 321/2025/TLPT-HS ngày 14/10/2025 đối với bị cáo Phạm Hồng Thảo C, do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2025/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị cáo không có kháng cáo:**

Phạm Hồng Thảo C, sinh năm 1973; tại: tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng T (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1944; có chồng ông Huỳnh Đông K1, sinh năm 1975 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2024; có đơn xin xử vắng mặt.

- **Bị hại:** Bà Thạch Thị Mỹ H1, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1: Ông Kim Kon T1 là Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư T7; có đơn xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thu H2 là Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư T7; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Ông Nguyễn Thanh H3 là Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V; địa chỉ: B P, K, phường N, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

Ngoài ra, còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, để có tiền lo chữa bệnh cho con đi khám, điều trị tại các bệnh viện nên mức lương giáo viên không đủ lo viện phí, chi và tiêu xài cá nhân. Bị cáo C mới vay thêm tiền bên ngoài, một khoảng thời gian sau thì bị mất cân đối thu chi, đồng thời đến hạn trả nợ vay. Lúc này, bị cáo C mới nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền trả nợ, chi tiêu cá nhân, bị cáo C lợi dụng mối quan hệ quen biết với bị hại Thạch Thị Mỹ H1, sinh năm 1971, nơi thường trú: ấp Đ, xã P, huyện T nên đưa ra thông tin gian dối: Bị cáo đang đầu tư kinh doanh bất động sản và mua bán thiên thạch có lợi nhuận rất cao, làm cho bị hại H1 tin tưởng là thật nên từ cuối năm 2021 đến ngày 04/01/2023, bị hại H1 đã nhiều lần giao tài sản (tiền) cho bị cáo C mượn, sau đó bị cáo C chiếm đoạt của bị hại cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Khoảng cuối năm 2021 (không rõ ngày, tháng cụ thể), tại nhà của bị hại H1, bị cáo C đưa ra thông tin gian dối: Đang làm thủ tục mua bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng thiếu tiền nên hỏi mượn bà H1 2.000.000 đồng và hứa một tuần sẽ trả lại gấp đôi số tiền trên, khiến bà H1 tin tưởng nên đưa và bị chiếm đoạt 2.000.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 02 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục nói dối làm thủ tục mua bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh chưa xong, nhưng thiếu tiền nên hỏi mượn bà H1 3.000.000 đồng và hứa một tuần sẽ trả lại gấp đôi số tiền trên. Bị hại thấy bị cáo đang làm nghề giáo viên nên có khả năng trả, một phần cũng do tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp 3.000.000 đồng.

+ Lần thứ ba: Sau lần thứ hai khoảng 02 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục hỏi mượn số tiền 5.000.000 đồng, khi mượn bị cáo cũng nói dối để làm thủ tục mua bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh và hứa một tuần sẽ trả lại gấp đôi số tiền trên. Không nghi ngờ gì, bị hại vẫn tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật, một phần vì cũng muốn có thêm tiền từ việc bị cáo hứa nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp 5.000.000 đồng.

+ Lần thứ tư: Sau lần thứ ba 01 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục hỏi mượn số tiền 4.000.000 đồng, khi mượn bị cáo nói dối để làm thủ tục mua bất

động sản tại thành phố Hồ Chí Minh và hứa một tuần sẽ trả lại gấp đôi số tiền. Không nghi ngờ gì, bị hại vẫn tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật, một phần vì cũng muốn có thêm tiền từ việc bị cáo hứa nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp 4.000.000 đồng.

+ Lần thứ năm, sáu và bảy: Thời gian lần năm cách lần bốn là 01 ngày, còn lần sáu, bảy cách nhau 02 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục, lần lượt hỏi mượn tiếp số tiền mỗi lần là 10.000.000 đồng, bị cáo đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để chuyển cho người khác đầu tư bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và hứa khi nào bán đất có lời sẽ trả lại gấp đôi số tiền trên. Không nghi ngờ gì, bị hại vẫn tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật, một phần vì cũng muốn có thêm tiền từ việc bị cáo hứa nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp tổng số tiền ba lần là 30.000.000 đồng.

+ Lần thứ tám: Sau lần thứ bảy khoảng 03 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục hỏi mượn số tiền 30.000.000 đồng, khi mượn bị cáo nói dối để chuyển cho người khác đầu tư bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và hứa sẽ cho bị hại số tiền 2.000.000.000 đồng. Không nghi ngờ gì, bị hại vẫn tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật, một phần vì cũng muốn có được số tiền từ việc bị cáo hứa nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp 30.000.000 đồng.

+ Lần thứ chín, mười và mười một: Thời gian lần chín cách lần tám là 06 ngày, còn lần mười, mười một cách nhau 01 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục, lần lượt hỏi mượn tiếp số tiền mỗi lần là 50.000.000 đồng, bị cáo vẫn đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để chuyển cho người khác đầu tư bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, nói sắp bán được đất và hứa khi nào bán đất sẽ cho số tiền 5.000.000.000 đồng. Không nghi ngờ gì, bị hại vẫn tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật, một phần vì cũng muốn có tiền từ việc bị cáo hứa nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp tổng số tiền ba lần là 150.000.000 đồng.

+ Lần thứ mười hai và mười ba: Thời gian lần mười hai cách lần mười một và lần mười ba cách mười hai đều là 01 ngày (cũng tại nhà bị hại), bị cáo tiếp tục, lần lượt hỏi mượn tiếp số tiền mỗi lần là 25.000.000 đồng, bị cáo vẫn đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để chuyển cho người khác đầu tư bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và hứa khi nào bán đất sẽ cho số tiền 500.000.000 đồng và sẽ xây cất nhà cho mẹ ruột bị hại. Không nghi ngờ gì, bị hại vẫn tin tưởng thông tin của bị cáo C nói là thật, một phần vì cũng muốn có tiền từ việc bị cáo hứa, cũng như mong muốn mẹ có nhà mới nên bị hại đưa và bị chiếm đoạt tiếp tổng số tiền hai lần là 50.000.000 đồng.

* Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt qua 13 lần nhận tiền trực tiếp của bị hại giao là 274.000.000 đồng.

Do thấy bị hại là người dân tộc khmer và thiếu hiểu biết, cũng như bản thân cần tiền để trả nợ, bị cáo C chưa dừng lại hành vi, tiếp tục nói dối với bị hại mượn tiền để lo làm thủ tục giấy tờ mua, bán bất động sản, nhằm tránh để bị hại nghi ngờ, phát hiện nên bị cáo cung cấp một số tài khoản của một vài người mà bị cáo quen biết, ngoài ra bị cáo C còn nói: sắp có số tiền lớn rồi và sắp giàu rồi. Nên đã khiến bị hại càng thêm tin tưởng và nhờ con ruột: Thạch So N, sinh năm 2001 và

Thạch Thị Mỹ N1, sinh năm 2005, cùng địa chỉ với bị hại, nhiều lần đi đến cửa hàng V2 chi nhánh huyện T chuyển tiền vào các số tài khoản mà bị cáo C cung cấp. Qua đó, bị chiếm đoạt tổng số tiền 47.600.000 đồng, lần lượt sau:

+ Chuyển tiền vào số tài khoản 7406205062810 của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950, nơi thường trú: Số A, đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16/01/2022 đến 25/5/2022, tổng cộng 16 lần, số tiền 41.500.000 đồng và ngày 02/3/2022 chuyển số tiền 1.500.000 đồng qua số tài khoản 0111000291436 của ông Lâm Hoàng P, sinh năm 1997, nơi thường trú: Số D, đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

+ Chuyển tiền vào số tài khoản 070110133764 của bà Phạm Hồng Thanh T2, sinh năm 1974, nơi thường trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh 02 lần, vào các ngày 27/02/2022 và 02/3/2022, tổng số tiền 2.500.000 đồng.

+ Chuyển tiền vào số tài khoản 070113312481 của bị cáo C mở tại Ngân hàng TMCP S1 01 lần, ngày 17/3/2022 số tiền 1.100.000 đồng.

+ Chuyển tiền vào số tài khoản 2700205116699 của ông Trần Đình H4 (không rõ năm sinh, địa chỉ) 01 lần, ngày 15/4/2022 với số tiền 1.000.000 đồng.

Ngoài hai hình thức giao tài sản như trên. Khi bị hại không còn tiền mặt để giao trực tiếp, chuyển khoản thì bị cáo C còn kêu bị hại đi vay tiền ở ngân hàng, công ty tài chính và lấy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) của bị hại, chồng bị hại (ông Thạch Sô P1, sinh ngày 01/01/1968) mang thế chấp cho nhiều người để có tiền cho bị cáo mượn, đầu tư bất động sản và mua bán thiên thạch. Các lần này, bị cáo C nói, nếu không cho mượn tiếp thì số tiền trước đó đã giao cho bị cáo sẽ mất hết. Lúc này, bị hại tin tưởng bị cáo C có nhiều đất, đang kinh doanh bất động sản và thiên thạch, một phần cũng vì muốn sớm nhận lại tiền đã cho bị cáo mượn trước đó nhưng không trả; cũng như bị hại cũng không phải chịu lãi suất đối với khoản tiền vay này nên đã tiếp tục nhiều lần đi vay tiền, giao cho bị cáo và bị chiếm đoạt thêm 4.038.871.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 03/5/2022, bị hại H1 ký hợp đồng với công ty T8 (gọi tắt M), địa chỉ: Tầng I Tòa nhà M, Số B C, Đ, Hà Nội, để vay số tiền 142.742.000 đồng. Khi vay được tiền, bị hại tin tưởng nên giao cho bị cáo C mượn và bị cáo chiếm đoạt số tiền 71.371.000 đồng.

+ Đến ngày 11/6/2022, bị hại H1, cùng chồng mang giấy CNQSDĐ đối với thửa số 167, tờ bản đồ 20, diện tích 1965,1m², tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện T để thế chấp, vay (giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) hai lần của ông Lê Quang N2, sinh ngày 17/7/1977, nơi thường trú: ấp C, xã P, huyện T được tổng số tiền 800.000.000 đồng (lần đầu vay 600.000.000 đồng và lần sau 200.000.000 đồng). Vay được số tiền trên, bị hại H1 tin tưởng, lần lượt đưa hết cho bị cáo mượn và bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 800.000.000 đồng.

+ Tiếp đến, ngày 25/11/2022, bị hại H1 ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP H6 - Chi nhánh T9, vay số tiền 290.000.000 đồng theo hình thức cấp thẻ tín dụng. Sau khi được giải ngân số tiền trên vào tài khoản, bị hại tin tưởng đưa thẻ cùng mật khẩu cho bị cáo. Sau đó, bị cáo sử dụng hết số tiền này để trả nợ.

+ Ngày 16/12/2022, ông P1 mang giấy CNQSDĐ thửa số 136, tờ bản đồ 41, diện tích 576,3m² và thửa số 764, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.430m², cùng tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện T để thế chấp cho ông Trần Văn D, sinh ngày 11/10/1990, nơi thường trú: ấp T, xã H, huyện T để vay (giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa số 136) số tiền 500.000.000 đồng. Ông D trừ số tiền tính lãi tháng đầu là 22.500.000 đồng, còn lại số tiền 477.500.000 đồng đưa cho vợ chồng ông P1, bị hại H1 tin tưởng đưa hết cho bị cáo mượn và bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 477.500.000 đồng.

+ Khoảng cuối năm 2022 (không rõ ngày, tháng cụ thể) hai vợ chồng bà H1 mang giấy CNQSDĐ thửa số 364, tờ bản đồ 10, diện tích 3.510m², tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện T để thế chấp, vay (giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) cho ông Phạm Chí L, sinh ngày 08/02/1994, nơi thường trú: khóm A, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh được số tiền 1.200.000.000 đồng. Khi vay được số tiền 1.200.000.000 đồng, bị hại H1 tin tưởng giao, đưa hết số tiền này cho bị cáo C mượn. Nhằm để tạo thêm lòng tin cho bị hại, không nghi ngờ nên bị cáo Chi dùng 140.000.000 đồng mua 04 lượng vàng 18Kara (gồm: 02 chiếc lắc đeo tay, 03 một sợi dây chuyền, 02 chiếc nhẫn, 02 bộ vòng ximen) đưa cho bị hại H1 cất giữ, nhưng khoảng 01 tháng, bị cáo C hỏi mượn lại toàn bộ số vàng trên. Sau đó, ông L đòi tiền lãi, bị hại không có tiền đóng và bị cáo C kêu bà H1 bán toàn bộ thửa đất trên cho ông L với giá 2.000.000.000 đồng, ông L đưa thêm cho vợ chồng bị hại số tiền 800.000.000 đồng. Lúc này, bị cáo C tiếp tục hỏi mượn bị hại H1 số tiền trên, bị hại H1 tiếp tục tin tưởng đưa tiếp số tiền này cho bị cáo. Nên bị chiếm đoạt tổng số tiền 2.000.000.000 đồng.

+ Lần sau cùng, vào ngày 04/01/2023, vợ chồng bị hại mang giấy CNQSDĐ thửa số 415, tờ bản đồ 10, diện tích 3.110m², tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện T thế chấp cho ông Trịnh Thanh V1, sinh ngày 04/02/1979, nơi thường trú: ấp A, xã T, huyện T để vay (giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) số tiền 500.000.000 đồng. Ông V1 trừ số tiền tính lãi tháng đầu là 25.000.000 đồng, còn lại 475.000.000 đồng đưa cho vợ chồng ông P1, bị hại H1 tin tưởng đưa hết này cho bị cáo C mượn. Được một thời gian, bị cáo C có đưa lại 75.000.000 đồng cho bà H1 để bị hại trả tiền lãi 03 tháng cho ông V1. Nên trong lần này, bà H1 bị chiếm đoạt số tiền là 400.000.000 đồng.

Như vậy, bằng các thủ đoạn nêu trên bị cáo C đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại H1 với tổng số tiền: 4.360.471.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo Chi dùng 2.437.500.000 đồng để trả nợ cho các cá nhân sau: Bà Nguyễn Thị Yên N3, sinh ngày 05/02/1988, nơi thường trú: khóm A, thị trấn T, huyện T số tiền 300.000.000 đồng; Bà Võ Hoàng Băng T3, sinh ngày 02/5/1993, nơi thường trú: khóm D, thị trấn T, huyện T số tiền 130.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Mỹ N4, sinh năm 1976, nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T số tiền 390.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Cẩm T4, sinh năm 1990, nơi thường trú ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh số tiền 840.000.000 đồng; Bà Phạm Hồng Thanh T2, sinh năm 1974, nơi thường trú: ấp H, xã H, huyện C,

tỉnh Trà Vinh số tiền 2.500.000 đồng; Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982, nơi thường trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 475.000.000 đồng; Ông Nguyễn Văn A (không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể) số tiền 170.000.000 đồng và một người tên K2 (không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể) số tiền 130.000.000 đồng. Quá trình điều tra, được biết các cá nhân trên không biết số tiền bị cáo C có được do phạm tội mà có và hiện nay, những người này đã sử dụng hết nên không thể thu hồi trả cho bị hại được. Riêng số tiền còn lại 1.922.971.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Hồng Thảo C bồi thường cho bị hại bà Thạch Thị Mỹ H1 số tiền 4.360.471.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Yên N3 nộp lại số tiền 300.000.000 đồng; bà Võ Hoàng Băng T3 nộp lại số tiền 130.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ N4 nộp lại số tiền 390.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Cẩm T4 nộp lại số tiền 840.000.000 đồng; Bà Phạm Hồng Thanh T2 nộp lại số tiền 2.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn K nộp lại số tiền 475.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị V nộp lại số tiền 41.500.000 đồng và ông Lâm Hoàng P nộp số tiền 1.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án trả lại cho bị hại bà Thạch Thị Mỹ H1.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo C, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa phần dân sự, theo hướng ông K không phải hoàn trả lại số tiền 475.000.000 đồng cho bị cáo để hoàn trả cho bị hại H1;

Ông K cung cấp tài liệu Giấy xác nhận của ông Hồ Văn T5 lập ngày 06/10/2025, ông T6 là chồng bà H1 nợ ông T5 65.000.000 đồng, ông T6 nhờ ông K chuyển trả 65 triệu đồng cho ông T5.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Tại cấp phúc thẩm bị cáo C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin hoãn phiên tòa; căn cứ khoản 2 Điều 290, Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tiến hành xét xử vụ án. Toà án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K đúng quy định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Phiên tòa ngày 24/12/2025, bị cáo C có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K có đơn xin hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Xét Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh được bị cáo Chi dùng số tiền chiếm đoạt của bị hại H1 trả cho nhiều người; trong đó có ông Nguyễn Văn K 475.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông K phải nộp lại tiền trên để hoàn trả cho bà H1 là phù hợp nên kháng cáo của ông K là không có cơ sở.

[4]. Tại cấp phúc thẩm ông K cung cấp tài liệu Giấy xác nhận của ông Hồ Văn T5 với nội dung: Ông Thạch Sô P1 là chồng của bị hại H1 có nợ của ông T5 65.000.000 đồng; ông P1 có nhờ ông K chuyển trả cho ông T5 65.000.000 đồng, không có liên quan đến số tiền của ông K đã nhận của bị cáo C nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác kháng cáo của ông K, giữ nguyên phần dân sự của bản án sơ thẩm; ông K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K; Giữ nguyên phần dân sự Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2025/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc ông Nguyễn Văn K nộp lại số tiền 475.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án trả lại cho bị hại bà Thạch Thị Mỹ H1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỐ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam Định Thành;
- BC (Nhờ Trại tạm giam tổng đạt cho BC);
- Lưu.

Đặng Văn Ý

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

[Trần Thị Hòa H5](#) - [P](#)

Đặng Văn Ý